

Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Mỹ T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **Tổ A, ấp K, xã B, tỉnh An Giang.**

Bị đơn: Anh **Mai Xuân H**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **Thôn D, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Triệu Thị Mỹ T** với anh **Mai Xuân H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu **Mai Triệu Quỳnh N**, sinh ngày 08/4/2017 cho chị **Triệu Thị Mỹ T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Mai Xuân H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị **Triệu Thị Mỹ T** và anh **Mai Xuân H** không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị **Triệu Thị Mỹ T** và anh **Mai Xuân H** không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Triệu Thị Mỹ T** tự nguyện nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006614 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho chị **Triệu Thị Mỹ T** số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND KV5 - Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS KV5 - Lâm Đồng (01);
- UBND xã Đa Tẻ 2, tỉnh Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án (03).



Nguyễn Thị Mỹ Diễm